ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 62 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 236/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 241/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 99/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 72/2025/TT-BXD;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 24835/TTr-SXD-QLVT ngày 07 tháng 7 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *20* tháng *8* năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế quản lý và điều hành hoạt động vận tải khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra Văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQVN TPHCM;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Sở Xây dựng; Sở Tư pháp;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng: TH, KT, ĐT;
- Trung tâm Thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, (ĐT-HS).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nguyên Dinh

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Bến xe buýt là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ cho việc đón trả khách và các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Thiết bị rao trạm là hệ thống tự động thông báo điểm dừng tiếp theo trên phương tiện công cộng, giúp hành khách biết khi nào cần xuống xe.

3. Bảng thông tin xe buýt là hệ thống cung cấp các thông tin quan trọng như số hiệu tuyến, hành trình, điểm dừng, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động, giá vé và các thông tin khác liên quan đến hoạt động xe buýt giúp hành khách dễ dàng sử dụng xe buýt.

4. Tuyến xe buýt bao gồm: tuyến xe buýt nội tỉnh, tuyến xe buýt liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 4. Quy định về mở tuyến và đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Quy định mở tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đáp

ứng đầy đủ các tiêu chí sau:

a) Tuyến có trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định.

b) Điểm đầu, điểm cuối tuyến ổn định.

c) Bảo đảm kết nối khu vực tập trung đông người, có nhu cầu đi lại lớn.

2. Trình tự mở tuyến

a) Căn cứ vào nhu cầu đi lại và kế hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng hàng năm, Sở Xây dựng công bố danh mục mạng lưới tuyến.

b) Căn cứ danh mục mạng lưới tuyến được công bố, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng giúp Sở Xây dựng triển khai thực hiện đấu thầu, đặt hàng để lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến theo quy định.

c) Sau khi hoàn tất việc lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng trình Sở Xây dựng công bố quyết định mở tuyến.

3. Tiêu chí đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Tuyến không còn phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển mạng lưới xe buýt tại Thành phố.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến không tiếp tục đảm nhận và không lựa chọn được đơn vị kinh doanh vận tải thay thế đảm nhận hoạt động.

4. Trình tự đóng tuyến: Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng căn cứ tình hình khai thác thực tế, đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải, rà soát đánh giá sự cần thiết trình Sở Xây dựng công bố đóng tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo trình tự, thủ tục quy định.

Điều 5. Quy định đối với xe buýt

1. Tiêu chuẩn xe buýt

a) Xe buýt phải tuân thủ và duy trì các điều kiện kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động vận tải hành khách công cộng được quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; khoản 2 Điều 5, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Trên xe phải trang bị đầy đủ các trang thiết bị về phòng chống cháy nổ, dụng cụ thoát hiểm được quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và Phụ lục 1 Thông tư số 148/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an, ngoài ra còn phải trang bị chuông điện ở vị trí thuận lợi để hành khách báo hiệu khi xuống xe và chỗ ngồi cho người ưu tiên có biểu tượng hoặc ghi chữ “ghế ưu tiên”.

c) Khuyến khích lắp đặt các thiết bị thanh toán không tiền mặt trên xe theo yêu cầu kỹ thuật do Sở Xây dựng quy định.

d) Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy trình bảo dưỡng, sửa chữa phương

tiện theo quy định, tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

2. Phải niêm yết thông tin trên xe theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và có thông tin nhận biết thanh toán không tiền mặt.

3. Sở Xây dựng quy định chi tiết về màu sơn, các thiết bị phụ trợ (như bảng thông tin điện tử trên xe, thiết bị thông tin cảnh báo bằng âm thanh, camera giám sát an ninh) và quy cách trang bị thông tin cụ thể bên trong và ngoài xe để thống nhất trên toàn Thành phố.

4. Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong, bên ngoài xe buýt) thực hiện theo Luật Quảng cáo, phương án quảng cáo và các quy định có liên quan.

5. Lộ trình đầu tư phương tiện xe buýt

a) Đến năm 2030: 100% xe buýt sử dụng điện, năng lượng xanh.

b) Khuyến khích đầu tư phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng tối thiểu 15%.

Điều 6. Quy định đối với lái xe buýt, nhân viên phục vụ trên xe

1. Tiêu chuẩn đối với lái xe buýt

a) Tiêu chuẩn về tuổi và hạng giấy phép lái xe thực hiện theo quy định tại Điều 57 và Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

b) Tiêu chuẩn về sức khỏe phải đảm bảo theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2, Điều 3 Thông tư số 36/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 11 năm 2024 và khoản 3, khoản 4 Điều 36 Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế.

c) Có giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải cho lái xe theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

d) Thời gian lái xe của người lái xe ô tô phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và khoản 13 Điều 11 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn đối với nhân viên phục vụ trên xe buýt

Đáp ứng tiêu chuẩn về sức khỏe và độ tuổi theo quy định của Luật Lao động số 45/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Quyền nghĩa vụ của người lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

Thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 2 Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; Điều 23 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT.

Điều 7. Công tác quản lý, bảo trì, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (gọi tắt là kết cấu hạ tầng xe buýt), bao gồm:

a) Các công trình giao thông thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các công trình như: làn đường ưu tiên hoặc làn đường dành riêng cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, nhà chờ, bến xe buýt, điểm trung chuyển, bãi kỹ thuật, bãi đỗ xe, bãi giữ xe cho hành khách sử dụng phương tiện giao thông công cộng.

b) Các công trình phục vụ hành khách: hệ thống chiếu sáng, bảng thông tin, công trình phục vụ đón - trả khách, phòng chờ cho hành khách, phòng bán vé, thiết bị bán vé, lối đi bộ, mái che, biển báo, đèn tín hiệu, vạch sơn, gờ giảm tốc, lan can, các kết cấu, thiết bị hỗ trợ người khuyết tật, các thiết bị hỗ trợ cung cấp thông tin cho hành khách.

c) Các công trình phục vụ dịch vụ hỗ trợ: trạm tiếp nhiên liệu, trạm sạc điện, tủ đổi pin hoặc cung cấp năng lượng, nơi rửa xe, xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, nhà để xe nhiều tầng và các tiện ích thương mại phục vụ hành khách đi xe buýt như cửa hàng, căn tin, bãi giữ xe.

d) Các hệ thống, thiết bị công nghệ hỗ trợ quản lý, điều hành: Trung tâm điều hành, hệ thống phần mềm quản lý thông tin hoạt động xe buýt (bao gồm dữ liệu về luồng tuyến, biểu đồ giờ, phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải, cơ sở hạ tầng, sản lượng, chất lượng dịch vụ, hệ thống quản lý vé xe buýt, hệ thống thanh toán liên thông bù trừ trong giao thông công cộng và các thông tin liên quan khác); hệ thống phần cứng gồm máy chủ, máy trạm, màn hình tường; hệ thống camera giám sát, thiết bị giám sát hành trình (GPS), thiết bị ghi nhận hình ảnh, thiết bị và phần mềm kiểm soát và xử lý vé điện tử, bảng thông tin trực tuyến tại các điểm dừng, nhà chờ, bến bãi; hệ thống truyền dẫn dữ liệu và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác giám sát, quản lý, khai thác và thanh toán mạng lưới xe buýt.

2. Nguyên tắc bố trí kết cấu hạ tầng xe buýt

Việc bố trí điểm dừng, nhà chờ phải tuân thủ đầy đủ quy định tại Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và khoản 5 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP. Ngoài ra, căn cứ điều kiện thực tế và định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, khuyến khích thực hiện các nội dung sau:

a) Ưu tiên bố trí điểm dừng, nhà chờ tại các khu vực có điều kiện thuận lợi về hạ tầng giao thông, khu vực đông dân cư, chung cư, bệnh viện, trường học và những nơi có nhu cầu đi lại lớn của hành khách, bảo đảm an toàn giao thông, dễ

nhận diện, thân thiện và hiện đại. Vị trí điểm dừng, nhà chờ phải phù hợp với điều kiện thực tế của lòng đường, hè phố và khu vực xung quanh, bảo đảm thông thoáng, mỹ quan, dễ quan sát và có hành lang, vỉa hè, vạch kẻ đường cho người đi bộ tiếp cận với cự ly ngắn nhất.

b) Ưu tiên phát triển mạng lưới tuyến xe buýt kết nối các đầu mối giao thông vận tải quan trọng (nhà ga đường sắt, cảng hàng không, bến xe khách liên tỉnh) và khu vực trung tâm đô thị; tại khu vực các nhà ga đường sắt đô thị phải bố trí điểm dừng xe buýt, tại cảng hàng không, sân bay phải bố trí điểm đầu, điểm cuối và vị trí dừng, đỗ xe buýt tại khu vực hành khách dễ tiếp cận, bảo đảm an toàn giao thông và phù hợp với phương án tổ chức giao thông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Việc bố trí điểm dừng, nhà chờ trên dải phân cách giữa và dải phân cách bên của các tuyến đường trục, quốc lộ phải bảo đảm chiều rộng tối thiểu từ 01 mét trở lên đối với biển báo và từ 1,5 mét trở lên đối với nhà chờ. Tại các vị trí này phải trang bị các hạng mục công trình phụ trợ liên quan đảm bảo an toàn, thuận lợi cho hành khách sử dụng xe buýt như: có lối đi bộ kết nối, gờ giảm tốc, đèn tín hiệu, biển báo, vạch đi bộ, chỗ đứng cho hành khách, lan can bảo vệ, tay vịn cho người khuyết tật và các hạng mục khác có liên quan.

d) Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, trong trường hợp có đủ diện tích và bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường được phép bố trí khu vệ sinh, khu nghỉ cho lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt tại các vị trí phù hợp. Tại các điểm dừng, nhà chờ xe buýt trong trường hợp có đủ diện tích, bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, được phép bố trí nhà vệ sinh công cộng.

đ) Nhà chờ xe buýt phải được trang bị hệ thống chiếu sáng công cộng, camera giám sát, bảng thông tin điện tử và các tiện ích phục vụ hành khách.

e) Tại các điểm trung chuyển, bến xe buýt, bãi đỗ xe buýt, bãi kỹ thuật có bố trí tuyến xe buýt hoạt động, cần bố trí diện tích mặt bằng phù hợp cho các khu vực: đón, trả khách; bán vé; phòng chờ cho hành khách; khu vực làm việc của đơn vị quản lý; khu nghỉ cho lái xe và nhân viên phục vụ; khu vệ sinh; bãi đỗ xe buýt. Khuyến khích bố trí thêm các dịch vụ tiện ích như: khu vực giữ xe phục vụ hành khách, tủ đổi pin, trạm sạc điện hoặc cung cấp năng lượng, nơi rửa xe, xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, nhà để xe nhiều tầng và các tiện ích thương mại phục vụ hành khách đi xe buýt như cửa hàng, căn tin, nhà vệ sinh công cộng, trạm xe đạp công cộng.

3. Quy định về bảo trì kế kết cấu hạ tầng

a) Công tác bảo trì nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng trong suốt quá trình khai

thác.

b) Nội dung bảo trì bao gồm: cập nhật và lưu trữ cơ sở dữ liệu, kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng định kỳ, di dời, điều chỉnh, sửa chữa, thay thế, bổ sung kết cấu hạ tầng theo quy định Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP hướng dẫn về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, khoản 2 Điều 7 của Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Việc bảo trì thực hiện theo quy trình được lập và phê duyệt theo quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải và các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Tổ chức thực hiện: Căn cứ kế hoạch bảo trì hằng năm được phê duyệt, đơn vị được giao quản lý tổ chức thực hiện theo quy định.

đ) Hình thức thực hiện: đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

e) Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa, nguồn thu khai thác kết cấu hạ tầng và các nguồn hợp pháp khác.

4. Công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng

a) Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng có trách nhiệm thống kê, cập nhật thường xuyên thông tin về hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, bao gồm: điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng, nhà chờ, bến xe, biển báo, bảng điện tử, thiết bị phụ trợ, trạng thái hạ tầng.

b) Dữ liệu kết cấu hạ tầng được số hóa, tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý của ngành, phục vụ công tác phân tích hiện trạng, lập kế hoạch đầu tư, kế hoạch bảo trì hoặc điều chỉnh kết cấu hạ tầng.

c) Kết nối dữ liệu với hệ thống điều hành, cơ sở dữ liệu ngành xây dựng, quy hoạch, đất đai và các đơn vị liên quan để bảo đảm đồng bộ thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp thông tin cho hành khách.

Điều 8. Hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Tổ chức giao thông, ưu tiên luồng tuyến xe buýt

a) Xe buýt được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị, ưu tiên cho xe buýt được lưu thông ở làn đường sát vỉa hè, được lưu thông hỗn hợp với xe gắn máy.

b) Tổ chức làn đường ưu tiên hoặc làn đường dành riêng cho xe buýt, xe phi cơ giới trên một số đoạn, tuyến đường đảm bảo yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật.

c) Phát triển vận tải đa phương thức, tích hợp, kết nối giữa xe buýt, xe buýt nhanh, đường sắt đô thị, buýt đường sông, xe đạp và đi bộ, các loại hình giao thông khác bảo đảm tính liên thông giữa các phương thức vận tải.

2. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Phát triển mạng lưới xe đạp công cộng, làn đường dành riêng cho xe đạp thuận tiện cho việc kết nối di chuyển bằng xe buýt. Các điểm đỗ xe đạp công cộng được bố trí gần trạm dừng, nhà chờ, bến xe buýt, điểm trung chuyển xe buýt.

b) Tổ chức các loại hình vận chuyển mới, trang thiết bị sử dụng công nghệ mới; phát triển hệ thống quản lý điều hành, xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại ứng dụng công nghệ số hỗ trợ kết nối với xe buýt, tàu điện và các phương thức vận tải khác để nâng cao hiệu quả hoạt động.

c) Khai thác không gian tại các bến, bãi xe buýt; trên trạm dừng, nhà chờ, thân xe buýt và các nền tảng số (ứng dụng, website, vé, bản đồ tra cứu thông tin…) nhằm bổ sung nguồn thu cho hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Khuyến khích các nguồn lực xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm hỗ trợ cho hoạt động đầu tư, khai thác và phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

Điều 9. Kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến được hỗ trợ kinh phí

1. Quy định về kinh phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được hỗ trợ kinh phí

a) Kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo giá vé phù hợp, khuyến khích người dân sử dụng xe buýt và bù đắp doanh thu cho đơn vị kinh doanh vận tải.

b) Tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí sẽ được tổ chức lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải thông qua hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

2. Nguyên tắc hỗ trợ kinh phí

a) Kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được thực hiện theo nguyên tắc: ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch

giữa chi phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và doanh thu bán vé, doanh thu khác theo quy định.

b) Chi phí được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, chênh lệch chi phí nhiên liệu, chênh lệch chi phí nhân công được cơ quan có thẩm quyền ban hành, các khoản phí, lệ phí theo quy định.

3. Trình tự đề xuất kinh phí

a) Hàng năm, căn cứ vào số lượng tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước đang hoạt động và kế hoạch mở mới đã được phê duyệt (nếu có), Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng lập đề xuất nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Xây dựng.

b) Sở Xây dựng có trách nhiệm rà soát, tổng hợp đề xuất kinh phí hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

c) Đối với các tuyến xe buýt được lựa chọn theo hình thức đấu thầu: Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng tổ chức lập dự toán kinh phí để trình Sở Xây dựng phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

d) Đối với các tuyến xe buýt được lựa chọn theo hình thức đặt hàng: Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng lập dự toán kinh phí đặt hàng để trình Sở Xây dựng phê duyệt đồng thời hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải lập phương án giá đặt hàng và có ý kiến về phương án giá đặt hàng trước khi trình Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt giá đặt hàng làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 10. Vé xe buýt và hỗ trợ về vé xe buýt

1. Vé xe buýt (gọi tắt là vé) là chứng từ thanh toán dưới dạng giấy hoặc điện tử xác nhận quyền sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên một hoặc nhiều tuyến hoặc các loại hình vận tải công cộng khác có liên thông thanh toán với xe buýt theo quy định.

2. Vé liên phương thức là loại vé dùng chung được sử dụng liên tiếp từ hai phương thức vận tải hành khách công cộng trở lên (như xe buýt, tàu điện, buýt đường sông, xe đạp công cộng) trong một hành trình hoặc trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định.

3. Phân loại, giá vé, hình thức thanh toán

a) Vé xe buýt được chia làm 2 loại: Vé đơn phương thức và vé liên phương

thức.

b) Giá vé bao gồm: Giá vé theo lượt, giá vé theo thời gian, giá vé theo khoảng cách và giá vé miễn giảm.

c) Hình thức thanh toán vé xe buýt gồm: Thanh toán không sử dụng tiền mặt (gồm thẻ tích hợp liên phương thức, thẻ tín dụng không tiếp xúc và các ứng dụng trên điện thoại như ví điện tử, mã QR), thanh toán trực tiếp trên xe hoặc mua tại các điểm bán vé.

4. Quy định về giá vé

a) Giá vé áp dụng trên các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước do Sở Xây dựng thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định.

b) Giá vé trên các tuyến xe buýt không được hỗ trợ kinh phí do đơn vị kinh doanh vận tải quyết định và thực hiện kê khai theo quy định.

5. Quy định về phát hành và quản lý vé

a) Vé lượt do đơn vị kinh doanh vận tải phát hành và quản lý theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn. Vé liên phương thức, vé theo thời gian do Trung tâm Giao thông công cộng quản lý và phát hành.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm cung cấp, kết nối dữ liệu thanh toán, thông tin, dữ liệu thu thập từ thiết bị giám sát hành trình, sản lượng hành khách theo thời gian thực cho Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng để phục vụ công tác kiểm tra, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động và thực hiện thanh toán liên thông bù trừ.

c) Đơn vị kinh doanh vận tải có trách nhiệm quản lý, thực hiện việc miễn, giảm giá vé xe buýt cho các đối tượng được miễn, giảm theo quy định.

6. Hỗ trợ, khuyến khích về vé

a) Người dân được sử dụng xe buýt với mức giá vé do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, thông qua cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Thực hiện miễn, giảm giá vé xe buýt cho các đối tượng theo quy định của pháp luật và các văn bản có liên quan.

c) Khuyến khích người dân sử dụng vé liên thông các loại hình phương tiện công cộng khác để thuận tiện cho hành khách khi chuyển tuyến.

d) Đẩy mạnh thanh toán không tiền mặt khi tham gia dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ thanh toán không tiền mặt đạt 95%.

đ) Tăng cường kết nối hệ thống thanh toán với các nền tảng công nghệ số để mở rộng phương thức tiếp cận dịch vụ và nâng cao trải nghiệm người dùng.

Điều 11. Quy định tiêu chí, phương thức đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Việc lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt được thực hiện theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định có liên quan.

2. Về thời gian thực hiện hợp đồng, gia hạn hợp đồng đấu thầu, đặt hàng

a) Đối với các tuyến xe buýt tổ chức theo hình thức đấu thầu: Thời gian thực hiện hợp đồng đảm nhận tuyến tối đa 10 năm và được phân chia chi tiết từng năm làm cơ sở thanh, quyết toán theo niên độ ngân sách.

b) Đối với các tuyến xe buýt tổ chức theo hình thức đặt hàng: Thời gian thực hiện đặt hàng tối đa 12 tháng và phù hợp với niên độ ngân sách.

c) Đối với các hợp đồng khai thác tuyến xe buýt thông qua đấu thầu, trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải cung ứng dịch vụ có chất lượng phục vụ tốt, có thể xem xét gia hạn hợp đồng theo pháp luật về Đấu thầu, với điều kiện tổng thời gian thực hiện hợp đồng tối đa 10 năm.

3. Các trường hợp thực hiện theo phương thức đặt hàng

a) Tuyến xe buýt mở mới có hỗ trơ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước nhằm phục vụ cho mục đích chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng, loại phương tiện mới chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Tuyến xe buýt do các đơn vị kinh doanh vận tải không tiếp tục đảm nhận hoạt động, trong thời gian tổ chức lựa chọn đơn vị đảm nhận mới, Sở Xây dựng quyết định phương thức đặt hàng để đảm bảo hoạt động ổn định của tuyến phục vụ người dân.

c) Tuyến xe buýt liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước.

4. Tiêu chí tổ chức đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố

a) Tiêu chí về tư cách hợp lệ: Có tư cách pháp nhân hợp lệ, không trong thời gian bị xử lý vi phạm, cấm tham gia đặt hàng; có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô loại hình Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt còn hiệu lực.

b) Tiêu chí về năng lực tài chính: Có báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc tài liệu chứng minh năng lực tài chính lành mạnh theo quy định.

c) Tiêu chí về năng lực phương tiện: Phương tiện phải có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp, được thể hiện bằng giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc hợp đồng thuê phương tiện có công chứng, chứng thực còn hiệu lực tối

thiểu bằng thời hạn đặt hàng.

d) Tiêu chí về nhân sự, quản lý điều hành: Có người điều hành trực tiếp điều hành vận tải, có bộ phận quản lý an toàn giao thông; Có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng phương tiện định kỳ, bảo đảm an toàn kỹ thuật trong quá trình hoạt động; đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ được đào tạo nghiệp vụ, ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội.

đ) Tiêu chí về nơi đậu đỗ phương tiện: Có nơi đỗ xe phù hợp và đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

e) Khuyến khích lựa chọn đơn vị ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành; có kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh của hành khách; sử dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, tham gia hệ thống vé điện tử liên thông và chia sẻ dữ liệu khai thác với Trung tâm điều hành; sử dụng phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, phương tiện có trang bị thiết bị hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận; có chính sách miễn, giảm giá vé cho các đối tượng theo quy định.

g) Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

1. Trung tâm Quản lý giao thông công cộng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành; đồng thời phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xử lý các hành vi vi phạm theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giám đốc Trung tâm Quản lý giao thông công cộng có trách nhiệm tổ chức lực lượng kiểm tra trực tiếp hoặc trực tuyến và quyết định các nội dung có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm đối với công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, lực lượng kiểm tra, giám sát phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm không làm ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động của xe buýt và việc đi lại của hành khách.

Điều 13. Nghiệm thu sản phẩm dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt. Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động

xe buýt

1. Việc nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động xe buýt phải đảm bảo khách quan, trung thực; đúng, đủ theo khối lượng và chất lượng dịch vụ đã thực hiện; phù hợp với hợp đồng đã ký kết và đáp ứng điều kiện thực tế vận hành tuyến xe buýt.

2. Công tác nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động xe buýt được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương III
PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm đề xuất, xây dựng và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Các chính sách hỗ trợ của nhà nước về khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố theo quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật Đường bộ; việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá; quy trình đặt hàng khai thác đối với tuyến xe buýt nội tỉnh, liên tỉnh và tuyến xe buýt có sử dụng xe ô tô thoáng nóc chở khách du lịch không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố.

b) Rà soát, bố trí quỹ đất xây dựng bến xe, điểm trung chuyển hành khách để kết nối liên thông giữa các phương thức vận tải.

c) Phê duyệt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật; đơn giá; giá dịch vụ sự nghiệp công công tác bảo trì kết cấu hạ tầng; giá dịch vụ công ích dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (giá vé) theo quy định của pháp luật về giá và quy định khác có liên quan.

2. Sở Xây dựng có thẩm quyền:

a) Đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung và công bố danh mục mạng lưới tuyến. Quyết định, công bố mở tuyến xe buýt mới trong danh mục mạng lưới tuyến; Điều chỉnh hoạt động tuyến xe buýt, bao gồm: tên tuyến, hành trình tuyến, điểm đầu, điểm cuối tuyến, số chuyến hoạt động, chủng loại phương tiện, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến xe buýt.

c) Công bố tổ chức giao thông ưu tiên cho xe buýt, làn dành riêng cho xe buýt tại các tuyến đường cụ thể.

d) Quyết định vị trí điểm dừng, nhà chờ, phê duyệt danh sách và công bố đưa vào khai thác các điểm dừng, nhà chờ xe buýt.

đ) Phê duyệt, công bố mẫu thiết kế trụ biển báo, nhà chờ xe buýt áp dụng thống nhất trên từng khu vực, từng tuyến đường.

e) Ban hành nội quy khai thác tuyến xe buýt; bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ xe buýt.

g) Hướng dẫn về việc đặt hàng, đấu thầu cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

h) Hướng dẫn triển khai, sử dụng vé điện tử.

i) Thẩm định phương án giá (đối với trường hợp đặt hàng), dự toán kinh phí (đối với trường hợp đấu thầu) đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước theo quy định.

k) Phê duyệt, thẩm tra, thẩm định dự toán kinh phí các dự án đầu tư mới, duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng, dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu, kinh phí cho các dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải hành khách công cộng theo thẩm quyền được quy định.

l) Quyết định thu hồi đăng ký khai thác tuyến xe buýt của đơn vị kinh doanh vận tải có hành vi vi phạm quy định hoặc không đáp ứng về điều kiện hoạt động; Chỉ định đơn vị kinh doanh vận tải có năng lực tiếp tục đảm nhận khai thác tuyến trong thời gian tổ chức lựa chọn đơn vị để thay thế đảm bảo phục vụ hành khách liên tục.

m) Thẩm định và thông báo thẩm định xét duyệt quyết toán kinh phí hỗ trợ cho dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

3. Công tác phối hợp

a) Phối hợp Sở Tài chính trình, thẩm định kinh phí phục vụ các hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; Quyết định giao dự toán chi ngân sách nhà nước về hỗ trợ kinh phí hoạt động xe buýt.

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc quyết định công bố mở mới, ngừng khai thác hoặc đóng tuyến; điều chỉnh thông số hoạt động (tên tuyến, hành trình, điểm đầu, điểm cuối, số chuyến hoạt động, chủng loại phương tiện) trên tuyến các tuyến xe buýt liên tỉnh, tuyến xe buýt kết nối với Cảng hàng không, nhà ga đường sắt.

Điều 15. Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính đối với hoạt động vận tải hành

khách công cộng bằng xe buýt. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Sở Xây dựng công bố điều chỉnh mức chênh lệch chi phí nhiên liệu, năng lượng, nhân công trong đơn giá chi phí vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố sử dụng các nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng trong việc đầu tư xây dựng mới, điều chỉnh, duy tu, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông công cộng bằng xe buýt trên địa bàn; Đảm bảo xe buýt có thể tiếp cận và thực hiện chức năng đón, trả khách an toàn.

2. Phối hợp rà soát, bố trí quỹ đất cho giao thông tĩnh (bến xe, bãi kỹ thuật, bãi đỗ xe buýt), công bố theo quy hoạch được duyệt; Khi phê duyệt quy hoạch khu dân cư, khu đô thị, phải xác định và bố trí quỹ đất dành cho điểm đầu, điểm cuối, điểm trung chuyển xe buýt, phù hợp chỉ tiêu diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị theo quy chuẩn xây dựng.

3. Khi đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến đường, phối hợp xác định vị trí điểm dừng, nhà chờ xe buýt phù hợp với mạng lưới tuyến hiện tại và tương lai; Đảm bảo các điểm dừng, nhà chờ được thiết kế an toàn, thuận tiện và có khả năng tiếp cận cho người khuyết tật.

4. Chủ trì xử lý các hành vi vi phạm như chiếm dụng, làm hư hại kết cấu hạ tầng xe buýt theo thẩm quyền và quy định hiện hành; Phối hợp xử lý hành khách, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm nội quy, các quy định về xe buýt nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trên xe buýt; Phối hợp với các đơn vị có liên quan giữ gìn vệ sinh môi trường tại các điểm dừng, nhà chờ, bến xe trên địa bàn.

5. Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân sử dụng xe buýt; Phối hợp khảo sát nhu cầu và đề xuất điều chỉnh mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo tình hình thực tế địa phương.

Điều 17. Trách nhiệm của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng

1. Trình Sở Xây dựng:

a) Kế hoạch hằng năm về phát triển hoạt động xe buýt (sản lượng, phương tiện, luồng tuyến, giá vé, kinh phí hỗ trợ, đấu thầu, đặt hàng, dịch vụ giữ xe cho hành khách và các dịch vụ có liên quan; đầu tư, duy tu hạ tầng, kiểm tra, tuyên truyền, đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác).

b) Kết quả rà soát và đề xuất trình công bố hoặc điều chỉnh danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh.

c) Danh sách vị trí điểm dừng, mẫu trụ biển báo, nhà chờ; danh mục dự án đầu tư, thuê công nghệ thông tin, hệ thống giám sát, bảng thông tin điện tử, tiện ích phục vụ hoạt động xe buýt.

d) Đề xuất phương án mở mới, đóng, ngừng khai thác tuyến; điều chỉnh hành trình, tên tuyến, điểm đầu, điểm cuối, số chuyến/ngày, sức chứa, chủng loại phương tiện, đầu tư phương tiện mới.

đ) Đề xuất thu hồi đăng ký khai thác tuyến đối với đơn vị vi phạm, đề xuất đơn vị thay thế.

e) Đề xuất ban hành nội quy khai thác tuyến; quy định kiểm tra, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động xe buýt; quy định kiểm tra, đối chiếu số chuyến để thanh quyết toán khi giám sát qua phần mềm quản lý.

g) Tham mưu thỏa thuận với các tỉnh về hoạt động của tuyến xe buýt liên tỉnh.

h) Đề xuất ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật; đơn giá; giá dịch vụ sự nghiệp công công tác bảo trì kết cấu hạ tầng; giá dịch vụ công ích dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (giá vé) theo quy định của pháp luật về giá và các quy định khác có liên quan.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án; làm chủ đầu tư các dự án đầu tư, xây dựng, nâng cấp hạ tầng, phương tiện, công nghệ thông tin phục vụ vận tải hành khách công cộng.

3. Quản lý, khai thác, bảo trì hạ tầng, dịch vụ thương mại, bến xe, bãi đậu xe được giao (trừ đường sắt đô thị, buýt đường thủy); cung cấp thông tin kịp thời cho hành khách, đơn vị kinh doanh vận tải khi có điều chỉnh.

4. Quản lý hệ thống liên thông đa phương thức vận tải hành khách công cộng trên địa bàn thành phố.

5. Phối hợp chính quyền địa phương, cơ quan chức năng đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh tại hạ tầng phục vụ vận tải công cộng; chịu trách nhiệm khi thiếu thông tin tại biển báo, nhà chờ.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo để thu thập dữ liệu, phân tích, tối ưu hóa vận hành mạng lưới giao thông công cộng; Xây dựng hệ thống hệ thống điều khiển phục vụ công tác quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng tích hợp với bản đồ số, cung cấp thông tin hành trình, lịch trình theo thời gian thực, tối ưu hoá lịch trình, thời gian hoạt động của xe buýt và đường sắt đô thị để đảm bảo kết nối hiệu quả với các tuyến cố định tại các bến xe và các phương thức vận tải khác.

7. Thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu, giúp Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Điều chỉnh thời gian hoạt động trong ngày, biểu đồ chạy xe, thời gian hành trình, số xe hoạt động (không làm thay đổi số chuyến/ngày).

b) Quyết định điều chỉnh một phần hoặc toàn bộ biểu đồ, hành trình chạy xe trên tuyến xe buýt nội tỉnh khi có sự thay đổi về tổ chức giao thông dẫn đến phải thay đổi hành trình hoặc trong trường hợp thiên tai, bão lụt hoặc trong trường hợp bất khả kháng khác hoặc theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải đang khai thác tuyến phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế tại từng thời điểm.

c) Điều chỉnh vị trí trạm dừng, nhà chờ cho phù hợp nhằm đảm bảo an toàn giao thông khi có các thay đổi về điều kiện giao thông

d) Thay đổi phương tiện (không thay đổi chủng loại phương tiện); điều động xe tăng cường, đột xuất, giải tỏa ách tắc, phục vụ nhu cầu đi lại phát sinh.

đ) Tổ chức đấu thầu, đặt hàng lựa chọn đơn vị kinh doanh vận tải theo quy định; ký hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải công cộng với đơn vị trúng thầu/được đặt hàng; kiểm tra, xử lý vi phạm hợp đồng.

e) Định kỳ, đột xuất kiểm tra điều kiện hoạt động của đơn vị kinh doanh vận tải; giám sát cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động xe buýt.

g) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thông tin bên trong, bên ngoài xe, màu sơn, trang thiết bị theo quy định.

h) Thống nhất biểu mẫu, hình thức lệnh vận chuyển phục vụ thống kê, đôn đốc, hướng dẫn, tiếp nhận, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ với đơn vị kinh doanh vận tải.

i) Xây dựng, triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, quảng bá cho hoạt động vận tải công cộng; tổ chức kênh thông tin hướng dẫn, giải đáp thắc mắc, tiếp nhận phản hồi hành khách.

k) Xây dựng, cập nhật, quản lý, đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải theo bộ tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

l) Đầu tư, ứng dụng công nghệ quản lý hoạt động xe buýt; khai thác dữ liệu camera, giám sát hành trình, dữ liệu vé phục vụ quản lý, hậu kiểm, báo cáo.

m) Theo dõi, giám sát, xử lý vi phạm lái xe, nhân viên phục vụ; Tiếp nhận thông tin phản ảnh của hành khách, phối hợp đơn vị kinh doanh vận tải xác minh, xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng, nội quy khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu đình chỉ lái xe, nhân viên phục vụ vi phạm nghiêm trọng.

n) Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả xử lý phản ánh của các đơn

vị kinh doanh vận tải.

o) Tổ chức, giám sát dịch vụ trông giữ xe cho hành khách đi xe buýt.

p) Thống kê, báo cáo kết quả vận chuyển hành khách công cộng định kỳ.

Điều 18. Quyền hạn, nghĩa vụ của các đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe buýt

1. Đơn vị kinh doanh vận tải có các quyền sau đây:

a) Được tham gia các hình thức lựa chọn cung ứng dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt khi đáp ứng đủ điều kiện.

b) Được hưởng các quyền lợi trong chính sách ưu đãi chung của Thành phố đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định; Tham gia góp ý, xây dựng và đề xuất các cơ chế chính sách về hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

c) Được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các thông tin trên các hệ thống kết cấu này.

d) Được quyền khiếu nại các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng khi chứng minh được hành vi vi phạm do nguyên nhân khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, ngập đường, mưa, bão, tai nạn, hư hỏng đột xuất.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải có nghĩa vụ phải tuân thủ và duy trì các điều kiện kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải hành khách được quy định tại khoản 8 Điều 56, Điều 58 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 12 Điều 11, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP; Điều 4, khoản 6 Điều 18 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT và một số nghĩa vụ sau:

a) Đăng ký mẫu thẻ tên và đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định.

b) Tổ chức nghiệm thu nội bộ hàng tháng trong việc thực hiện khối lượng theo hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (số chuyến, khối lượng thực hiện) với Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng.

c) Thanh toán, cấp phát các khoản tiền hỗ trợ hoạt động theo đúng đối tượng và thời gian quy định tại đơn vị và giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan theo quy định.

d) Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước về kinh phí hỗ trợ hoạt

động, phối hợp với Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

đ) Phát hiện và báo kịp thời cho Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng về tình trạng hư hỏng, chiếm dụng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên tuyến, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến.

e) Tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

g) Tổ chức đánh giá chất lượng chất lượng dịch vụ vận tải theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành trên từng tuyến xe buýt do đơn vị đảm nhận khai thác và báo cáo kết quả cho Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng.

h) Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý điều hành và cung cấp dữ liệu về hoạt động vận tải theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện báo cáo đúng quy định theo yêu cầu của Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng.

k) Lắp đặt, quản lý, khai thác thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh lái xe, camera, thiết bị bán vé và các thiết bị khác gắn trên xe theo quy định. Duy trì hoạt động của các thiết bị, lưu trữ, cung cấp và truyền dữ liệu trực tiếp về máy chủ Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và quản lý hoạt động xe buýt theo quy định.

l) Đầu tư phương tiện đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận theo quy định; Thực hiện việc rà soát, thống kê đánh giá thực trạng xe buýt chưa bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận; Xây dựng kế hoạch trang bị, cải tạo phương tiện giao thông công cộng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị kinh doanh vận tải.

m) Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội quy khai thác tuyến xe buýt.

3. Quản lý và sử dụng Lệnh vận chuyển

a) Lệnh vận chuyển phải được đóng dấu (hình thức giấy) hoặc ký số (hình thức điện tử) của đơn vị kinh doanh vận tải, mỗi chuyến xe phải được xác nhận bởi nhân viên điều hành theo hình thức thủ công hoặc ứng dụng công nghệ.

b) Đơn vị kinh doanh vận tải phải nộp bản gốc lệnh vận chuyển (hình thức giấy) hoặc truyền dữ liệu lệnh vận chuyển (hình thức điện tử) về Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng để phục vụ công tác quản lý, giám sát.

c) Lệnh vận chuyển phải được lưu trữ tối thiểu 03 năm đối với các chuyến xe không được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước. Đối với các chuyến xe

được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước, việc lưu trữ thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 41, Luật Kế toán 2015.

4. Về công tác đảm bảo an toàn giao thông

a) Đón, trả hành khách đúng nơi quy định; hướng dẫn sử dụng trang thiết bị an toàn trên xe; có biện pháp giữ gìn vệ sinh trong xe.

b) Không chở hành khách trên nóc xe, trong khoang chở hành lý hoặc để hành khách đu, bám bên ngoài xe.

c) Không chở quá số người, chở hành lý, hàng hóa vượt quá khối lượng cho phép hoặc vi phạm quy định khác của pháp luật.

d) Không chở hàng hóa trong khoang chở người.

Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hành khách

Hành khách đi xe buýt ngoài các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định tại Điều 60 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; khoản 3 Điều 23 và Điều 24 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT còn có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

1. Được Nhà nước hỗ trợ chi phí thông qua việc quy định mức giá vé hiện hành phù hợp với từng giai đoạn. Người có công với cách mạng theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em dưới 6 tuổi được hưởng chính sách miễn, giảm giá vé dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Không được sử dụng các loại vé không hợp pháp; khi làm mất vé phải có trách nhiệm phải mua lại vé khác. Trường hợp sử dụng vé điện tử phải có trách nhiệm cung cấp thông tin cần thiết phục vụ tra cứu vé đã mua.

3. Giữ vệ sinh trên xe buýt, tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho hành khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ. Trường hợp vi phạm nội quy, gây thiệt hại cho người và tài sản thì tùy theo mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 20. Giải quyết tranh chấp, khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa đơn vị kinh doanh vận tải và Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng được giải quyết trên cơ sở hòa giải; trường hợp không thể hòa giải hoặc hòa giải không thành công, các bên liên quan có quyền thực hiện thủ tục tố tụng tại Tòa án để giải quyết.

2. Khen thưởng

Các cơ quan, tổ chức quản lý tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải, cá nhân có đóng góp tích cực vào phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, thu hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyển, thì được khen thưởng theo quy định.

3. Xử lý vi phạm

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được quy định tại Quy định này sẽ bị xử lý theo Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Bộ Luật Lao động.

b) Các tổ chức, cá nhân vi phạm về thanh tra, kiểm tra hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để vụ lợi, sách nhiễu cho hoạt động của tuyến xe buýt sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.

c) Hành khách và cá nhân vi phạm nội quy như mua bán trên xe, xả rác trên xe hoặc gây mất trật tự và các hành vi khác đối với hành khách trên xe buýt thì bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Tổ chức thực hiện, chế độ báo cáo

1. Tổ chức thực hiện

a) Trong trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong quy định này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo các văn bản được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

b) Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các Sở - ban - ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, đoàn thể liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Chế độ báo cáo

Giao Sở Xây dựng theo dõi tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố biện pháp xử lý các vướng mắc, những nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong quá trình thực hiện./.